

UBND THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ
TRƯỜNG TH-THCS THANH MINH

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường TH-THCS Thanh Minh
Đầu năm học 2024 -2025

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	14	1
II	Loại phòng học	22	
1	Phòng học kiên cố	14	1
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ	0	
5	Số phòng học bộ môn	8	
6	Số phòng học đa chức năng(có phương tiện nghe nhìn)	0	
7	Bình quân lớp/phòng học	14	1
8	Bình quân học sinh/lớp	384	27,4
III	Số điểm trường	0	
IV	Tổng diện tích đất (m2)	12,262	31,9
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m2)	4200	10,9
VI	Tổng diện tích các phòng	988	
1	Diện tích phòng học (m2)	54	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m2)	54	
3	Diện tích thư viện	70	
4	Diện tích nhà tập đa năng(phòng giáo dục rèn luyện thể chất)(m2)	200	
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m2)	20	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	9	Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định.	9	1
1.1	Khối lớp 1	1	1
1.2	Khối lớp 2	1	1
1.3	Khối lớp 3	2	1
1.4	Khối lớp 4	1	1
1.5	Khối lớp 5	1	1
1.6	Khối lớp 6	2	1
1.7	Khối lớp 7	2	1
1.8	Khối lớp 8	2	1
1.9	Khối lớp 9	2	1
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định.		
2.1	Khối lớp 1	0	
2.2	Khối lớp 2	0	
2.3	Khối lớp 3	0	
2.4	Khối lớp 4	0	
2.5	Khối lớp 5	0	
2.6	Khối lớp 6	0	
2.7	Khối lớp 7	0	
2.8	Khối lớp 8	0	
2.9	Khối lớp 9	0	
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa y(diện tích/thiết bị)		

VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ cho học tập (Đơn vị tính: bộ)	48	1
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác	26	Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	2	
2	Cát xét	6	
3	Đầu Video/ đầu đĩa	1	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	17	1
5	Thiết bị khác...		
6	...		

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng	26	Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	2	
2	Cát xét	6	
3	Đầu Video/ đầu đĩa	1	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	17	1
5	Thiết bị khác...		
6	...		

	Nội dung	Số lượng
X	Nhà bếp	1
XI	Nhà ăn	1

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng số diện tích(m2)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	5 phòng, 126m2	100	1,3
XIII	Khu nội trú			

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m2/học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh *	2		4		70
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh *					

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện(Lưới,phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVII	Trang thông tin điện tử (Website) của trường	x	
XI	Tường rào xây	x	

Thanh Minh, ngày 09 tháng 10 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)



Phạm Thị Hạnh